

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (gồm các cây: cà phê, cao su, điều, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (Gồm các cây: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dứa);

Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 189/TTr-SNNPTNT ngày 28/10/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (gồm các cây: cà phê, cao su, điều, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp quy định tại Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phát triển cây công nghiệp chủ lực trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

- Đẩy mạnh liên kết tại vùng sản xuất cây công nghiệp; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

- Tăng cường chế biến đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và truy xuất nguồn gốc; huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

2. Yêu cầu

Phát triển cây công nghiệp phải phù hợp với Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực của tỉnh đến năm 2030 (Gồm các cây: cao su, điều, hồ tiêu, cà

phê) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm phát triển các cây công nghiệp chủ lực (cao su, điều, hồ tiêu, cà phê) trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao giá trị kinh tế tham gia xuất khẩu ngành nông, lâm, thủy sản, hiệu quả sản xuất, đời sống dân cư nông thôn và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì và phát triển diện tích 04 loại cây công nghiệp chủ lực của tỉnh theo quy hoạch đạt trên 356.000 ha, sản lượng 659.780 tấn/năm; cụ thể: Cây điều diện tích 138.000 ha, sản lượng 250.000 tấn; cao su diện tích 200.000 ha, sản lượng 363.000 tấn; cà phê diện tích 8.000 ha, sản lượng 20.800 tấn; cây tiêu diện tích 10.000 ha, sản lượng 25.000 tấn.

- Tổng giá trị sản phẩm 04 cây công nghiệp chủ lực của tỉnh (cao su, điều, hồ tiêu, cà phê) tham gia xuất khẩu đạt 450 triệu USD (không tính giá trị sản phẩm đồ gỗ từ cây cao su tham gia xuất khẩu).

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

1. Cây điều

a) Sản xuất

- Diện tích đến năm 2030 đạt 138.000 ha, sản lượng 250.000 tấn; trong đó, tập trung ở các huyện: Bù Đăng 55.200 ha, Bù Gia Mập 30.650 ha, Phú Riềng 21.800 ha, Đồng Phú 14.950 ha. Diện tích còn lại (15.400 ha) được trồng tại các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, thị xã Chơn Thành, Bình Long, Phước Long và thành phố Đồng Xoài.

- Giải pháp hàng năm tái canh trồng mới đối với diện tích điều già cỗi trên 30 năm tuổi năng suất thấp bằng những giống có năng suất cao, phù hợp với chế biến: PN1, AB29, AB05-08, LBC5, BP 18, BP 27, BP 43. Đến năm 2030, khoảng 90-95% diện tích điều trồng mới được sử dụng giống đúng tiêu chuẩn.

- Diện tích điều áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh chiếm 40-50%; diện tích điều được trồng xen (ca cao, cà phê, cây gia vị, cây dược liệu, nấm...), nuôi xen (ong mật, gà thả vườn) khoảng 5.000-10.000 ha.

- Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất điều (sử dụng giống, bón phân, tỉa cành, tạo tán, vệ sinh vườn sau thu hoạch), nâng cao sức chống chịu, hạn chế ảnh hưởng của dịch bệnh và mưa trái vụ.

b) Chế biến

- Đến năm 2030, 100% cơ sở chế biến nhân điều tự động hóa khâu tách vỏ cứng và bóc vỏ lụa nhân điều, trên 95% cơ sở chế biến hạt điều được cấp Chứng nhận quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, HACCP, GMP...

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến nhân điều, tăng cường chế biến sâu nâng cao chuỗi giá trị; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ cây điều như: tinh luyện dầu từ vỏ hạt điều, sản xuất cồn từ nước ép quả điều, ván ép từ gỗ điều và bã vỏ điều... nâng tỷ lệ chế biến sâu nhân điều lên 25-30%.

2. Cây cao su

a) Sản xuất

- Diện tích đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đạt 200.000 ha, sản lượng 363.000 tấn; trong đó, tập trung ở các huyện: Hớn Quản 34.820 ha, Đồng Phú 30.075 ha, Phú Riềng 23.600 ha, Bù Đăng 23.250 ha, Bù Gia Mập 20.780 ha, Chơn Thành 18.200 ha, Bù Đốp 10.185 ha. Diện tích còn lại 39.090 ha được phân bổ tại các huyện, thị xã: Lộc Ninh, Phước Long, Bình Long và thành phố Đồng Xoài.

- Rà soát, chuyển đổi diện tích cao su ở vùng không thích hợp sang cây trồng khác, thâm canh chăm sóc diện tích cao su hiện có, trồng tái canh diện tích đến thời kỳ thanh lý (chủ yếu các huyện: Bù Đăng, Phú Riềng, Bù Gia Mập và Lộc Ninh) bằng các giống phù hợp với khí hậu thổ những khu vực miền Đông Nam bộ hiện nay theo khuyến cáo của ngành cao su, gồm các giống: PB 255, PB 235, RRIV 209, RRIV 114, RRIV 116, RRIV 106, RRIV 120, RRIV 103. Đến năm 2030, 100% diện tích cao su trồng mới được sử dụng các giống đúng tiêu chuẩn.

- Tổ chức trồng cao su theo hướng đại điền, diện tích cao su thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm đạt trên 70%, diện tích cao su được cấp chứng chỉ rừng bền vững khoảng 50-70 nghìn ha; 100% lượng mủ và gỗ cao su Việt Nam có mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Chế biến

- Đầu tư mới hoặc nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su, nâng sản lượng mủ cao su chế biến trong tỉnh đạt trên 20%; đầu tư một số phòng phân tích, kiểm nghiệm, chứng nhận mủ cao su thiên nhiên.

- Đầu tư chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ mủ cao su như: lớp, nệm, sợi chỉ thun, găng tay, các linh kiện cao su phục vụ ngành công nghiệp. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường, sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

3. Cây hồ tiêu

a) Sản xuất

- Diện tích đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đạt 10.000 ha, sản lượng 25.000 tấn; trong đó, tập trung ở các huyện: Lộc Ninh 4.220 ha, Bù Đốp 2.185 ha, Bù Đăng 965 ha, Bù Gia Mập 850 ha, Bình Long 370 ha, Phú Riềng 320 ha. Diện tích còn lại được trồng tại các huyện: Hớn Quản, Đồng Phú, thị xã Phước Long, Chơn Thành và thành phố Đồng Xoài.

- Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, giảm bệnh Vàng lá chết nhanh, chết chậm và Tuyến trùng. Đến năm 2030, có trên 30% diện

tích hồ tiêu được trồng theo quy trình GAP và tương đương, diện tích hồ tiêu được cấp mã số vùng trồng đạt khoảng 20%.

- Lựa chọn, chuyển giao các giống tiêu mới có khả năng chống chịu bệnh chết nhanh, chết chậm, không bị nhiễm virus PYMoV (gây bệnh tiêu điên), có năng suất và chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện từng vùng để làm vật liệu nhân giống, đáp ứng nhu cầu trồng tái canh cây hồ tiêu hàng năm.

- Rà soát phân loại diện tích hồ tiêu hiện có, chuyển đổi diện tích hồ tiêu ở những vùng không thích hợp, nhiễm bệnh nặng, già cỗi, kém hiệu quả sang trồng cây khác. Xây dựng hệ thống vườn giống hồ tiêu đầu dòng, ứng dụng kỹ thuật sản xuất giống hồ tiêu sạch bệnh để cung cấp giống cho diện tích hồ tiêu trồng mới được sử dụng giống đúng tiêu chuẩn trên 40-50%.

b) Chế biến

Tiếp tục đổi mới công nghệ, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ASTA, ESA, JSSA. Đến năm 2030, tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 30% sản lượng (tiêu trắng, tiêu xay và các sản phẩm tinh chế khác); tỷ lệ tiêu đen 70%, trong đó tiêu nghiền bột 20%; tỷ lệ tiêu trắng 30%, trong đó tiêu nghiền bột trên 25%.

4. Cây cà phê

a) Sản xuất

- Diện tích đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh còn lại 8.000 ha, sản lượng 20.800 tấn; trong đó, tập trung ở các huyện: Bù Đăng 6.500 ha, Bù Gia Mập 850 ha, Phú Riềng 300 ha. Diện tích còn lại được trồng tại các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Đồng Phú, thị xã Phước Long, Chơn Thành, Bình Long và thành phố Đồng Xoài.

- Phát triển vùng trồng cà phê theo hướng cảnh quan, những nơi có điều kiện thuận lợi, kết hợp vùng trồng cà phê với phát triển văn hóa, du lịch, dịch vụ... Rà soát diện tích cà phê trồng ở những nơi không thích hợp, năng suất thấp, chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả cao hơn. Tiếp tục trồng tái canh, ghép cải tạo diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp bằng các giống cà phê vôi có năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh (Hữu Thiên, Xanh Lùn, Thiện Trường, TR4, TS1). Đến năm 2030, 80-90% diện tích cà phê trồng mới được sử dụng giống đúng tiêu chuẩn.

- Diện tích cà phê sản xuất theo hướng hữu cơ, cà phê đặc sản, diện tích cà phê sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng an toàn thực phẩm (RA, 4C) khoảng 20-30%; trên 70% diện tích cà phê được cấp mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Chế biến

- Tỷ lệ thu hái cà phê đúng độ chín, đạt tiêu chuẩn chất lượng khoảng 80-90%. Hạt cà phê cần được đảm bảo sạch trong tất cả các khâu: thu hái, phơi sấy, sơ chế, bảo quản, cung cấp cà phê nguyên liệu... để đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích đầu tư các nhà máy sử dụng công nghệ mới, hiện đại chế biến cà phê rang xay, cà phê hòa tan. Đến năm 2030, sản lượng cà phê chế biến sâu đạt khoảng 20-25% tổng sản lượng cà phê toàn tỉnh. Sản lượng cà phê xuất khẩu đến năm 2030 đạt khoảng 80-85% tổng sản lượng cà phê toàn tỉnh; trong đó, cà phê chế biến sâu tham gia xuất khẩu đạt khoảng 10-20%.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức sản xuất

- Căn cứ Kế hoạch, UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định quy mô vùng sản xuất cây công nghiệp phù hợp trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch của địa phương; ưu tiên chính sách của địa phương để thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng các dự án/Kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp, liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp thu mua chế biến xuất khẩu; thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, nâng cao năng lực cho các thành viên hợp tác xã, hỗ trợ mỗi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo vùng nguyên liệu có chất lượng.

- Phát triển các sản phẩm phải gắn với thị trường tiêu thụ, đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh và giá trị gia tăng. Chế biến sản phẩm đi vào chiều sâu, áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra thương hiệu đặc trưng riêng cho từng sản phẩm, trong đó có các sản phẩm đặc sản. Đa dạng hóa các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Định hướng chế biến sản phẩm thủ công nhỏ gắn với làng nghề, sản phẩm OCOP kết hợp với du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Đối với hộ gia đình và trang trại, cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để hình thành vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, thực hiện sản xuất theo quy trình GAP và tương đương, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp.

2. Về khoa học và công nghệ

- Tập trung tạo chuyên biến mạnh trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất; ưu tiên trên một số lĩnh vực: Nhân giống cây trồng, bảo vệ thực vật, kiểm tra chất lượng giống, phân bón, công nghệ sinh học, quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt, bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Áp dụng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, sạch trong trồng trọt có hiệu quả đã được khẳng định; ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Tuyên truyền thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại từ các bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... trong quá trình sản xuất cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tăng cường áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất, thực hiện đồng bộ các giải pháp về giống, kỹ thuật canh tác, đầu tư thâm canh để đảm bảo năng suất và chất lượng nguyên liệu.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất cây công nghiệp, kết nối chế biến và xuất khẩu, phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm cây công nghiệp, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn an toàn, kết nối giữa người sản xuất, vùng sản xuất với thương mại và người tiêu thụ; cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã bao bì các sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, nhu cầu người tiêu dùng, đồng thời đảm bảo sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường.

3. Xây dựng mô hình

Xây dựng mô hình cây công nghiệp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; mô hình thâm canh bền vững; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); mô hình sản xuất theo quy trình GAP và tương đương, hữu cơ; mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... nhằm chuyển giao và nhân rộng kỹ thuật tiến bộ cho người sản xuất cây công nghiệp; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của cây trồng, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

4. Xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ

Xây dựng thương hiệu sản phẩm cây công nghiệp chủ lực, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để người tiêu dùng có đủ thông tin về sản phẩm cây công nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng.

5. Về quản lý nhà nước

- Tổ chức triển khai tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách khuyến khích hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp; chính sách về vay vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất...

- Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng; hỗ trợ chuyển đổi số, quản lý số trong nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp; rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến các cây công nghiệp...

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất kích thích sinh trưởng...); kiểm tra việc quản lý truy xuất sản xuất sản phẩm cây công nghiệp...

6. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách, được lồng ghép trong các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật ngân sách nhà nước.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; hướng dẫn các địa phương xây dựng mã vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý tốt sinh vật gây hại trên cây công nghiệp chủ lực, triển khai thực hiện Chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp trên các loại cây công nghiệp chủ lực.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực; dự báo, định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện trước ngày 15/12; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn việc đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý) cho sản phẩm cây công nghiệp của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ đề xuất các đề tài, dự án khoa học liên quan đến phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối nguồn vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có) để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch, đồng thời, quyết toán theo quy định.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thương mại, xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp chủ lực của tỉnh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác... với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch thực hiện. Chủ động bố trí kinh phí ngân sách huyện để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn hàng năm rà soát, hướng dẫn người sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp đảm bảo hiệu quả kinh tế, ổn định sinh kế, đúng quy hoạch.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp... tham gia đầu tư phát triển cây công nghiệp tại địa phương.

7. Chế độ báo cáo

Hàng năm, trước ngày 05/12, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước ngày 10/12 hàng năm).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (gồm các cây: cà phê, cao su, điều, hồ tiêu) trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và PTNT, KH & CN, TC, KH & ĐT, CT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT (NN-831/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Tuyết Minh